

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**
Số: 133/2019/QĐ-PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 13 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM VÀ
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**.

Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Bà **Trần Thị Kim Em**.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số: 458/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo như sau:

* Ngày 26/11/2018, bị đơn chị Nguyễn Thị A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 458/2018/DSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung quyết định án sơ thẩm vào ngày 22/11/2018 giữa chị và ông Trương Văn G, ông Phùng Văn H.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị A tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Các nguyên đơn ông Trương Văn G, ông Phùng Văn H tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý việc rút toàn bộ yêu cầu yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đồng ý với việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Việc rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn, việc rút yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với việc rút yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 458/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 109/2019/TLPT-DS ngày 19/3/2019 về việc tranh chấp: “Yêu cầu *Yêu cầu mở lối đi, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật*” giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trương Văn G, sinh năm 1966.

1.2. Ông Phùng Văn H, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Mai Văn K, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Ông Tô Văn T, sinh năm 1965;

3.3. Bà Cao Thị L, sinh năm 1930;

3.4. Ông Dương Minh H, sinh năm 1967;

3.5. Tô Bình Q, sinh năm 1984;

3.6. Tô Ngọc B, sinh năm 1987;

- Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông H, anh Q, anh B có ông Tô Văn T, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Ông Cao Văn T, sinh năm 1959;

3.8. Ông Cao Văn T, sinh năm 1926;

3.9. Bà Võ Thị P, sinh năm 1960;

3.10. Anh Cao Hữu T, sinh năm 1987;

3.11. Anh Cao Hoài P, sinh năm 1991;

3.12. Chị Phạm Thị Kim N, sinh năm 1994;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà P, anh T, anh P chị N có ông Cao Văn T, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.13. Bà Lâm Thị Sáu, sinh năm 1938;

3.14. Bà Võ Thị B, sinh năm 1964;

3.15. Anh Võ Thế H, sinh năm 1989;

3.16. Anh Võ Tấn Đ, sinh năm 1994;

3.17. Chị Võ Thị Ngọc T, sinh năm 2000.

3.18. Chị Bùi Thị Kim P, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, bà B, anh H, anh Đ, chị T, chị P có ông Võ Văn B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.19. Võ Văn B, sinh năm 1966.

3.20. Bà Cao Thị H, sinh năm 1965.

3.21. Anh Võ Tấn V, sinh năm 1991.

3.22. Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1993.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, anh V, chị M: có ông Võ Văn B, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: số A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.23. Ông Phùng Văn H, sinh năm 1967.

3.24. Bà Phạm Thị Thu C, sinh năm 1969.

3.25. Anh Phùng Minh M, sinh năm 1995.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, anh M có anh Phùng Văn H sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.26. Ông Trương Văn N, sinh năm 1969.

3.27. Bà Đoàn Thị K, sinh năm 1970.

3.28. Anh Trương Thanh T, sinh năm 1994.

3.29. Chị Nguyễn Thị Việt T, sinh năm 1996.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K, anh T, chị T có ông Trương Văn N, sinh năm 1969.
Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.30. Anh Trương Văn D, sinh năm 1974 .

3.31. Chị Trần Thị Thu V, sinh năm 1974.

3.32. Chị Trương Thị Cẩm D, sinh năm 1998.

Người đại diện theo ủy quyền của chị V, chị D có anh Trương Văn D, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.33. Anh Trương Văn H, sinh năm 1972.

3.34. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1971.

3.35. Chị Trương Thị Thanh H, sinh năm 1992.

Người đại diện theo ủy quyền của chị C, chị T có anh Trương Văn H, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.36. Anh Cao Thành S, sinh năm 1984.

3.37. Nguyễn Thị O, sinh năm 1978 .

3.38. Chị Nguyễn Thị Bình N, sinh năm 1998.

Người đại diện theo ủy quyền của chị O, chị N có anh Cao Thành S, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.39. Bà Võ Thị A, sinh năm 1954.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: xã P, huyện Chợ G, Tiền Giang.

3.40. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946 .

3.41. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977.

3.42. Chị Hồ Thị Trúc M, sinh năm 1982 .

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, chị M có anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.43. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1970 .

3.44. Chị Phùng Thị Cẩm T, sinh năm 2001.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C đồng thời là người đại diện hợp pháp của chị T có ông Phùng Văn H.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.45. Bà Trương Thị T, sinh năm 1941.

3.46. Bà Văng Thị B, sinh năm 1969.

3.47. Anh Trương Hoàng S, sinh năm 1986.

3.48. Chị Trương Thị Ngọc Đ, sinh năm 1988.

3.49. Chị Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1995.

3.50. Chị Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1988.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà B, anh S, chị Đ, chị D, chị C có ông Trương Văn G, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.51. Anh Trần Văn L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.52. Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc G – Chức vụ: Chủ tịch.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, Chị A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015331 ngày 26/11/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 150.000 đồng.

Ông Trương Văn G, ông Phùng Văn H phải chịu 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông G, ông H đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 36401 ngày 23/3/2018 và số 0015273 ngày 23/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C được khấu trừ nên ông G, ông H được hoàn lại 150.000 đồng.

3. Ông Trương Văn G, ông Phùng Văn H có quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh T;
- TAND huyện C;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Sâm Hương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 17:

(1) và (2) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá); nếu là Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao, thì cần ghi rõ Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại thành phố nào (ví dụ: Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hà Nội).

(3) Ghi ngày, tháng, năm kháng cáo, địa vị pháp lý trong tố tụng và họ và tên người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ và tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày.... tháng.....năm.... nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B, theo giấy uỷ quyền số 01/2012/UQ ngày 10 tháng 2 năm 2012); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi số, ngày, tháng, năm kháng nghị, tên Viện kiểm sát kháng nghị và nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(4) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ xét xử phúc thẩm thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 260 của BLTTDS (ví dụ: Tại phiên toà phúc thẩm, Viện kiểm sát kháng nghị và những người kháng cáo đã rút toàn bộ kháng nghị, kháng cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 của BLTTDS).

(5) Ghi số ký hiệu thụ lý vụ án và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2012/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2012).

(6) Ghi theo hướng dẫn việc ghi “trích yếu” vụ án tại Điều 3 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (ví dụ: “Về việc tranh chấp về thừa kế tài sản”).

(7) Khi thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 của BLTTDS, thì mới ghi mục 2 này.

(8) Quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

